

Số: 59 /2025/CV-BTSC

Tp.HCM, ngày 12 tháng 6 năm 2025

## CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1 Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Dịch vụ Bến Thành

- Mã chứng khoán : BSC

- Địa chỉ trụ sở chính: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1, Tp.HCM

- Điện thoại liên hệ : (028) 3914 0932 – 3914 0933 Fax: (028) 3914 0934

- Người thực hiện CBTT: Ông Nguyễn Lê Dũng - Người đại diện theo Pháp luật

2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Dịch vụ Bến Thành trân trọng thông báo về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 06/06/2025 Cụ thể: bổ sung ngành nghề kinh doanh.

Ngày có hiệu lực: Ngày 06/06/2025

Ngày nhận được Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp: Ngày 12/06/2025

(Hồ sơ chi tiết đính kèm)

3. Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử tại đường dẫn <http://btsc.com.vn/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CRTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN LÊ DŨNG

Số:



395895/25

## GIẤY XÁC NHẬN

### Về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

Cơ quan đăng ký kinh doanh: *Thành phố Hồ Chí Minh*  
Địa chỉ trụ sở: *90G đường Trần Quốc Toàn, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*  
Điện thoại: 028.38.293.179 Fax:  
Email: Website:

#### Xác nhận:

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: 0305246978

**Đã thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến cơ quan đăng ký kinh doanh.**

Thông tin của doanh nghiệp đã được cập nhật vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp như sau:

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                          | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1   | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>Chi tiết: Lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                          | 5210(Chính) |
| 2   | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ<br>chi tiết: Mua bán lương thực - thực phẩm, lâm-thủy-hải sản.<br>Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo                             | 4781        |
| 3   | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh<br>chi tiết: Bán lẻ máy vi tính, phần mềm.                                                                  | 4741        |
| 4   | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi<br>(trừ gia công cơ khí, xi mạ điện).                                                                                                                                    | 9511        |
| 5   | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>chi tiết: Mua bán các mặt hàng gia dụng | 4759        |
| 6   | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh<br>chi tiết: Mua bán quần áo, giày dép.                                                                                           | 4771        |
| 7   | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh<br>chi tiết: Mua bán hương liệu, rượu, bia, nước giải khát.                                                                                                         | 4723        |



| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 8   | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>chi tiết: Kinh doanh bất động sản (trừ định giá bất động sản). Đầu tư xây dựng, kinh doanh cảng biển, khu công nghiệp. Cho thuê văn phòng, căn hộ, nhà xưởng, kho bãi.                                                                                                                                                                                                                                                           | 6810     |
| 9   | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản. Dịch vụ quản lý bất động sản (Không bao gồm Dịch vụ đấu giá bất động sản)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 6820     |
| 10  | Bảo dưỡng và sửa chữa ô tô, xe máy<br>chi tiết: sửa chữa, bảo hành xe gắn máy và phụ tùng;<br>+ Sửa chữa phần cơ, phần điện, hệ thống lái tự động, + Bảo dưỡng thông thường, + sửa chữa thân xe, + Sửa chữa các bộ phận của ô tô, - Rửa xe, đánh bóng, (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                     | 4542     |
| 11  | Quảng cáo<br>chi tiết: Kinh doanh dịch vụ quảng cáo thương mại.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 7310     |
| 12  | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 7320     |
| 13  | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)<br>Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, theo hợp đồng.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4931     |
| 14  | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>chi tiết: Kinh doanh khách sạn (không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 5510     |
| 15  | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>chi tiết: Nhà hàng ăn uống (không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 5610     |
| 16  | Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm<br>chi tiết: Đại lý bảo hiểm.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 6622     |
| 17  | Điều hành tua du lịch<br>chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7912     |
| 18  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>(không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh).                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 8230     |
| 19  | Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu<br>chi tiết: kinh doanh khu vui chơi giải trí (không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 9329     |
| 20  | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác<br>chi tiết: sửa chữa, bảo hành xe ô tô; + Sửa chữa phần cơ, phần điện, hệ thống lái tự động; + Bảo dưỡng thông thường; + Sửa chữa khung, cangk, yếm, yên đệm mô tô, xe máy; - Sửa chữa các bộ phận khác của mô tô, xe máy; + Rửa xe, đánh bóng; + Sửa chữa, bơm vá sơm, lốp mô tô, xe máy, lắp đặt hoặc thay thế; + Xử lý chống gỉ; + Thay phụ tùng và các bộ phận phụ trợ không thuộc công đoạn sản xuất, (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở) | 4520     |

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 21  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy<br>chi tiết: Mua bán xe gắn máy và phụ tùng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4543     |
| 22  | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>chi tiết: Mua bán, sửa chữa, bảo hành đồng hồ, điện thoại, thiết bị ngoại vi và linh kiện, hàng kim khí điện máy, hàng điện tử, thiết bị viễn thông.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4773     |
| 23  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Mua bán các mặt hàng gia dụng, lương thực - thực phẩm, lâm-thủy-hải sản, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng tiêu thủ công nghiệp, máy móc-thiết bị-phụ tùng-vật tư ngành công-nông nghiệp, hóa chất, nguyên vật liệu ngành xây dựng, hàng trang trí nội thất, hương liệu, hoa tươi, hoa khô, hoa nhựa, nữ trang vàng, bạc, đá quý, văn hóa phẩm (trừ băng đĩa nhạc, hình), văn phòng phẩm, quần áo, giày dép, mỹ phẩm, hóa mỹ phẩm, rượu, bia, nước giải khát, bán buôn vỏ xe. Bán buôn cửa nhựa, cửa nhựa lõi sắt, cửa sắt, cửa nhôm, cửa kính khung nhôm, mặt dựng nhôm kính (bao gồm cửa đi và cửa sổ). | 4669     |
| 24  | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh<br>chi tiết: Mua bán văn hóa phẩm (trừ băng đĩa nhạc, hình), văn phòng phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4761     |
| 25  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>chi tiết: Mua bán lương thực - thực phẩm, lâm-thủy-hải sản; bán buôn cây cảnh, hoa (không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4620     |
| 26  | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ<br>chi tiết: Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ, hàng tiêu thủ công nghiệp, máy móc-thiết bị-phụ tùng-vật tư ngành công-nông nghiệp, hóa chất, nguyên vật liệu ngành xây dựng, hàng trang trí nội thất, hoa tươi, hoa khô, hoa nhựa, nữ trang vàng, bạc, đá quý, văn hóa phẩm (trừ băng đĩa nhạc, hình), mỹ phẩm, hóa mỹ phẩm. bán lẻ hoa tươi, cây cảnh                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4789     |
| 27  | Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác<br>chi tiết: Dịch vụ photocopy.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 8219     |
| 28  | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 7020     |
| 29  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>chi tiết: Dịch vụ giao nhận hàng hóa.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 5229     |
| 30  | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>chi tiết: Tư vấn xây dựng (trừ thiết kế công trình, khảo sát xây dựng, giám sát thi công).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 7110     |
| 31  | Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí<br>chi tiết: Kinh doanh khu vui chơi giải trí (không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 9000     |
| 32  | Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính<br>chi tiết: lắp ráp linh kiện vi tính (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 2620     |



| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 33  | Sản xuất thiết bị truyền thông<br>chi tiết: lắp ráp camera, thiết bị báo động - báo cháy                                                                                                                                                                                                                             | 2630     |
| 34  | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng<br>chi tiết: lắp ráp thiết bị điện tử (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)                                                                                                                                                                            | 2640     |
| 35  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>chi tiết: bán buôn thiết bị camera quan sát, thiết bị báo động - báo cháy, bán buôn camera                                                                                                                                                                        | 4659     |
| 36  | Lắp đặt hệ thống điện<br>(không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                            | 4321     |
| 37  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4651     |
| 38  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4652     |
| 39  | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>chi tiết: hoạt động trang trí nội thất                                                                                                                                                                                                                                             | 7410     |
| 40  | Bán buôn thực phẩm<br>chi tiết: bán buôn, xuất nhập khẩu rau, quả, trái cây (không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                             | 4632     |
| 41  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>chi tiết: bán buôn, bán lẻ xăm lốp, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ các loại xe có động cơ                                                                                                                                                     | 4530     |
| 42  | Hoạt động bảo vệ tư nhân<br>Chi tiết: Dịch vụ bảo vệ                                                                                                                                                                                                                                                                 | 8010     |
| 43  | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt<br>Chi tiết: Dịch vụ vệ sinh chuyên nghiệp cho khu nhà như làm sạch cửa sổ, làm sạch ống khói hoặc vệ sinh lò sưởi, ống thông gió, các bộ phận của ống; Dịch vụ kiểm soát, diệt trừ côn trùng gây hại, mối, mọt, ruồi, muỗi, kiến, gián, chuột cho các công trình. | 8129     |
| 44  | Vệ sinh chung nhà cửa<br>Chi tiết: Dịch vụ vệ sinh công ty (trừ dịch vụ xông hơi, khử trùng)                                                                                                                                                                                                                         | 8121     |
| 45  | Xây dựng nhà ở<br>chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng                                                                                                                                                                                                                                                             | 4101     |
| 46  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                              | 4663     |
| 47  | Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)<br>chi tiết: Mua bán xe ô tô                                                                                                                                                                                                                                             | 4512     |
| 48  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp.                                                                                                                                                                                                                             | 4299     |
| 49  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí<br>(trừ lắp đặt các thiết bị lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản)                                                                                               | 4322     |

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                      | Mã ngành                                                     |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 50  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết: Thi công lắp đặt thiết bị vào công trình. Lắp đặt công trình xây dựng từ kính (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).                                                                                      | 4329                                                         |
| 51  | Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp<br>Chi tiết: cung cấp dịch vụ hỗ trợ tổng hợp cho cơ sở vật chất của khách hàng như làm sạch nội thất, bảo dưỡng, dọn dẹp rác, bảo vệ, gửi thư, lễ tân, giặt là và các dịch vụ có liên quan đáp ứng nhu cầu của khách hàng                             | 8110                                                         |
| 52  | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp<br>Chi tiết: Lắp đặt pin mặt trời và hệ thống thiết bị sử dụng năng lượng mặt trời. Lắp đặt hệ thống điện mặt trời                                                                                                                     | 3320                                                         |
| 53  | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                                                                                                                                                                          | 8130                                                         |
| 54  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>chi tiết: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa. Đại lý ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống).                                                                                                                                                 | 4610                                                         |
| 55  | Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa<br>chi tiết: trồng cây cảnh                                                                                                                                                                                                               | 0118                                                         |
| 56  | Dịch vụ đóng gói<br>Chi tiết: Dịch vụ liên quan đến sản xuất (CPC 884-885). (Trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật)                                                                                                                                                               | 8292                                                         |
| 57  | Bốc xếp hàng hóa<br>Chi tiết: Dịch vụ xếp dỡ Container (CPC 7411)                                                                                                                                                                                                              | 5224                                                         |
| 58  | Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện. | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**Nơi nhận:**

-CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN  
THÀNH. Địa chỉ:Số 390 Nguyễn Công  
Trứ, Phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

-.....;

- Lưu: Nguyễn Ngọc Mỹ Tuyết.....

**TRƯỞNG PHÒNG**



**Lê Thị Hồng Nga**